

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Từ vựng & Ngữ pháp:

Nghe:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 2: SPORT – VOCABULARY 2 & SPEAKING

A. VOCABULARY

- Parts of the body

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	ankle(s) (n)	(cặp) mắt cá chân	4	bottom (n)	mông
2	thigh(s) (n)	(cặp) bắp đùi	5	hamstring (n)	gân sau đùi (phần phía sau bắp đùi)
3	hip(s) (n)	(cặp) hông			

- Nutrition

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	carbohydrate (n)	tinh bột	4	calcium (n)	canxi
2	nutrient (n)	chất dinh dưỡng	5	sugary food (n)	đồ ăn ngọt
3	digest (v)	tiêu hoá			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	struggle (v)	vật lộn, cố gắng	4	strike (n)	cú sút (trong bóng đá)
2	bounce (v)	nảy lên	5	explode (v)	vỡ òa (cảm xúc), reo hò âm ỉ
3	blast (v)	sút mạnh, sút tung lưới (trong bóng đá)			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	range (n)	phạm vi	3	sound effect (n)	hiệu ứng âm thanh
2	ballerina (n)	nữ diễn viên múa ba lê	4	instead (adv)	thay vào đó

*Note: *n* = noun: danh từ; *adv* = adverb: trạng từ; *v* = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1** dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. The player scored with a powerful _____.

☒ A. strike

B. thigh

C. hip

D. bounce

1. He fell and hurt his _____ when he slipped on the floor.

A. digest

B. carbohydrate

C. bottom

D. explode

2. When I eat too fast, it's hard for me to _____ my food.

A. digest

B. ankle

C. explode

D. thigh

3. The ball hit the wall and started to _____ across the room.

A. strike

B. nutrient

C. thigh

D. bounce

4. Be careful! Don't twist your _____ when you jump down.
 A. nutrient B. ankle C. bottom D. struggle
5. The crowd _____ when the team scored the final goal.
 A. hamstring B. digested C. exploded D. blasted

II. Match the words with the correct definitions.

0. <i>hip</i>	0- <u> c </u>	a. something in food that helps your body grow and stay healthy
1. nutrient	1- <u> a </u>	b. a strong hit or kick, especially in sports like football
2. struggle	2- <u> e </u>	c. <i>the side of your body between your waist and the top of your leg</i>
3. strike	3- <u> b </u>	d. to hit or kick something very hard and fast, usually in sports
4. thigh	4- <u> d </u>	e. the top part of your leg, between your hip and your knee
5. blast	5- <u> c </u>	f. to try very hard to do something difficult

III. Fill in the blanks with the correct words in the box. Some words may not be used.

strike	struggled	carbohydrates	hamstring	digest	blasted	sugary food	calcium
---------------	------------------	----------------------	------------------	---------------	----------------	--------------------	----------------

Liam is a sporty boy who loves football and healthy living. Last weekend, he scored an amazing (0) **strike** from outside the box. Everyone cheered loudly as the ball (1) _____ into the net. After the game, Liam noticed a sharp pain in his right (2) _____, so he had to rest for a while.

At home, his mom reminded him to drink milk to get enough (3) _____ for strong bones. She also prepared a balanced meal full of vegetables and some (4) _____ to give him energy for training the next day.

Liam knows that eating too much (5) _____ is bad for his body, so he tries to avoid candy and soda, even when he feels tired after practice.

IV. Complete the sentences, using the correct form of the words in brackets.

0. If it **rains**, we **will stay** at home. (*rain / stay*)

- If Mia _____ hard, she _____ the exam. (**study / pass**)
- If they _____ us to the party, we _____. (**invite / go**)
- Unless you _____ a helmet, you _____ a fine. (**wear / get**)
- I _____ you with your homework if I _____ time. (**help / have**)
- Unless he _____, he _____ on time. (**hurry / not arrive**)



CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link sau:

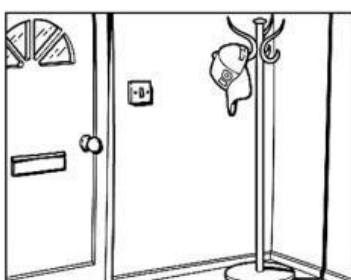
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint>

Part 1

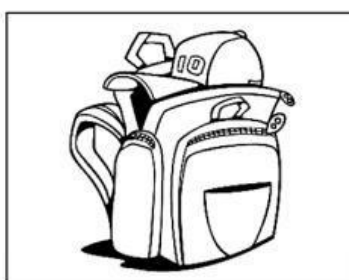
Questions 1 – 5

For each question, there are three pictures and a short recording.
Choose the correct picture and circle the letter **A**, **B** or **C** below it.

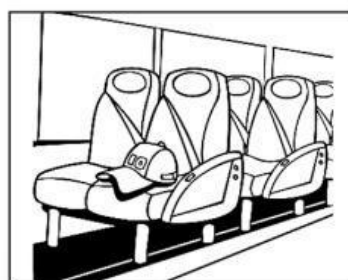
Example: Where is the girl's hat?



A



B



C

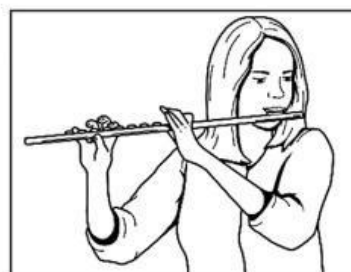
1 Which performer did the girl like best in the TV talent show?



A



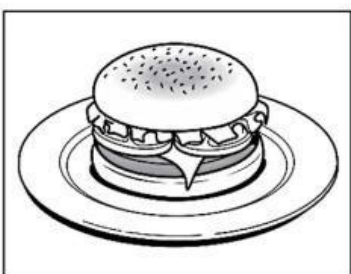
B



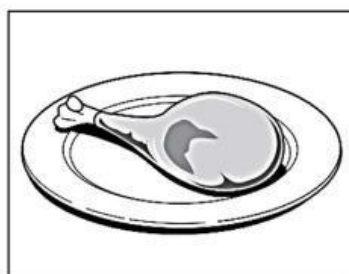
C

[1]

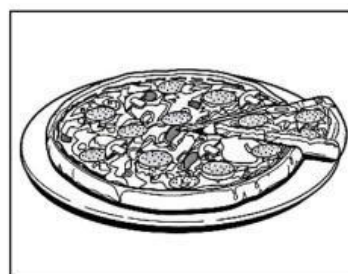
2 What did Sophie eat at the restaurant?



A



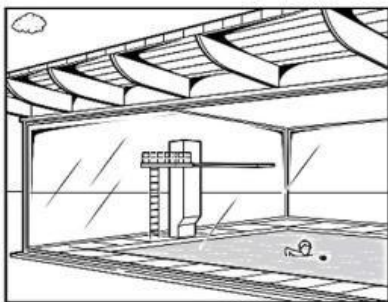
B



C

[1]

3 Where did Jack meet his friend?



A



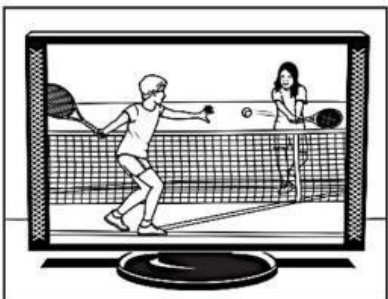
B



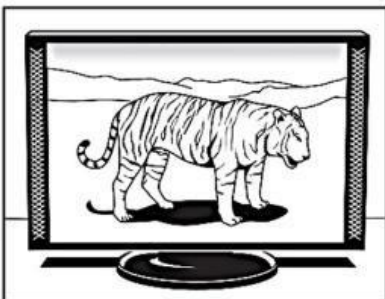
C

[1]

4 Which TV programme did the girl watch last night?



A



B



C

[1]

5 Where did the boy leave his glasses?



A



B



C

[1]